

Bản án số: 04/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 18/01/2023.

“V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H

- *Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **NGUYỄN VĂN KIỆT**

- *Các Hội thẩm nhân dân 1/ Ông **LẠI THIỆN PHONG***

*2/ Bà **NGÔ HỒNG XUÂN***

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **THÁI KIM PHƯƠNG** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:* Ông **DƯƠNG MINH KHA** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 307/2022/TLST – HNGĐ, ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2022/QĐXXST – HNGĐ, ngày 30 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Phạm Vũ K**, sinh năm 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Chị **Tạ Thị Ái M**, sinh năm 1996 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/10/2022, tại biên bản lấy lời khai ngày 28/10/2022 và tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn anh Phạm Vũ K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Vũ K và chị Tạ Thị Ái M có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 02/02/2015. Trong thời gian đầu, vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ anh không yêu thương bên gia đình chồng và cãi nhau tay đôi với cha mẹ chồng. Hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 02/2022 đến nay. Nay anh nhận thấy tình cảm không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Tạ Thị Ái M.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, anh K xác định giữa anh và chị M có 02 người con chung là cháu Phạm Ái A, sinh ngày 22/01/2016 và cháu Phạm Anh B, sinh ngày 29/03/2019. Hiện tại cháu A và cháu B đang sống chung với chị M. Anh K yêu cầu được nuôi cháu Phạm Ái A và cháu Phạm Anh B và anh không yêu cầu cấp dưỡng cho con;

Về tài sản chung: Anh K xác định giữa anh và vợ anh không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh không có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/11/2022 và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn chị Tạ Thị Ái M trình bày:

Về hôn nhân: Chị M và anh K có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 02/02/2015. Trong thời gian đầu, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Nhưng được một thời gian, thì xảy ra mâu thuẫn. Chị M sống bên chồng nhưng gia đình bên chồng không quan tâm, yêu thương nhưng chồng chị không quan tâm, bảo vệ chị. Chị M muốn giữ hạnh phúc gia đình nên nói với chồng ra ở riêng nhưng chồng chị không chịu. Từ đó, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 02/2022 đến nay. Nay chồng chị yêu cầu ly hôn với chị thì chị đồng ý.

Về con chung: Chị M xác định giữa chị và anh K có 02 người con chung là cháu Phạm Ái A, sinh ngày 22/01/2016 và cháu Phạm Anh B, sinh ngày 29/03/2019. Hiện tại cháu A và cháu B đang sống chung với chị M. Chị M yêu cầu được nuôi cháu A và cháu B và chị không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị M xác định giữa chị và anh K không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi tham gia tố tụng cho đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Vũ K được ly hôn chị Tạ Thị Ái M;
2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Phạm Ái A, sinh ngày 22/01/2016 và cháu Phạm Anh B, sinh ngày 29/03/2019 cho chị Tạ Thị Ái M

nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị M không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, anh K được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản;

3. Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra đương sự còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh Phạm Vũ K khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Tạ Thị Ái M và yêu cầu giải quyết về con chung nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về “Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con” là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Tạ Thị Ái M có nơi đăng ký thường trú tại ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện H thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2015, anh K và chị M có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 02/02/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa anh K và chị M là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Anh K và chị M thống nhất xác định thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 02/2022 đến nay. Nay anh K yêu cầu ly hôn nhưng chị M thì chị M cũng đồng ý. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình cho anh Phạm Vũ K được ly hôn với chị Tạ Thị Ái M.

[4] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống, anh K và chị M xác định giữa anh chị có 02 người con chung là cháu Phạm Ái A, sinh ngày 22/01/2016 và cháu Phạm Anh B, sinh ngày 29/03/2019. Hiện tại, Phạm Ái A, sinh ngày 22/01/2016 và cháu Phạm Anh B, sinh ngày 29/03/2019 đang sống chung với chị M. Khi ly hôn, chị M và anh K đều có yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử, xét thấy: cha mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh K và chị M đều có nguồn thu nhập ổn định đảm bảo cho cuộc sống và việc nuôi con nên anh chị đều đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên, từ nhỏ cháu A và cháu B đã được chị

Mỹ chăm sóc và hiện tại hai cháu đang sống ổn định với chị M. Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình quy định:

“2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con”.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu A và cháu B hiện đang sống ổn định với chị M, cháu đã có môi trường và cuộc sống ổn định, được học hành, được chăm sóc chu đáo. Để đảm bảo cuộc sống ổn định hiện tại của các cháu nên cần tiếp tục giao cháu Phạm Ái A, sinh ngày 22/01/2016 và cháu Phạm Anh B, sinh ngày 29/03/2019 cho chị M nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị M không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, anh K được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

[5] Về quan hệ tài sản: Anh K và chị M xác định giữa anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Phạm Vũ K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Vũ K.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Vũ K được ly hôn chị Tạ Thị Ái M.

2/ Về con chung: Tiếp tục giao cháu Phạm Ái A, sinh ngày 22/01/2016 và cháu Phạm Anh B, sinh ngày 29/03/2019 cho chị Tạ Thị Ái M nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh K không phải cấp dưỡng cho cháu A và cháu

Khá nhưng anh được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung: Anh Phạm Vũ K và chị Tạ Thị Ái M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Phạm Vũ K phải nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng anh K đã dự nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0006574 ngày 28/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu toàn bộ số tiền trên thành án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp và cấp trên được quyền kháng nghị bản án này theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Kiệt